VISecurities

24/10/2018

Bản tin chứng khoán



Trong số này

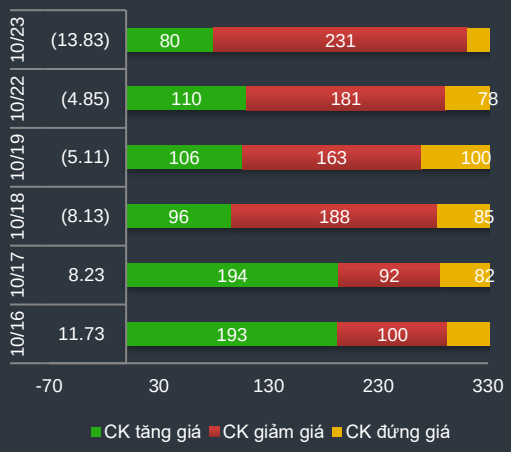
Nhận định P.1

Bộ lọc CP P.2

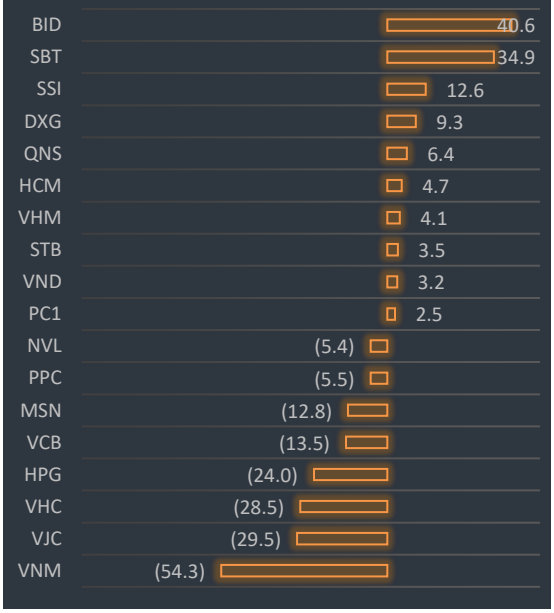
Note doanh nghiệp P.3

Kết quả kinh doanh Q2 P.5

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường giảm phiên thứ 3 liên tiếp với mức điều chỉnh sâu hơn. Đầu giờ chiều có thời điểm chỉ số Vnindex mất hơn 25 điểm lùi sâu đến sát 920. Theo đồ thị tuần, Vùng 930 tương ứng với Fibonacci 38.2% là vùng hỗ trợ mạnh hiện tại. Các tín hiệu kỹ thuật chỉ báo dòng tiền đang suy yếu vì vậy ít nhất trong thời gian tới thị trường cần các tín hiệu hỗ trợ để tạo động lực trở lại.

Sau phiên giảm mạnh độ nén thị trường đã khá sâu và có thể sẽ có thêm một đợt mất điểm mạnh vào buổi sáng thứ tư trước khi xuất hiện tín hiệu hồi phục ngắn hạn. Với các nhà giao dịch ngắn hạn, có thể mở trạng thái mua dò vào buổi sáng với tỷ lệ 10% - 30%. Một số cổ phiếu đang chạm các vùng hỗ trợ mạnh xuất hiện tín hiệu mua như FPT, VCB, MBB, ACB, MWG, DGW.



Trong phiên giao dịch vừa qua, áp lực bán mạnh nhưng đồng thời nhiều lệnh mua lớn chặn bên dưới đã đẩy thanh khoản thị trường tăng trở lại. Giao dịch chung thị trường đạt trên 5,600 tỷ và riêng sàn HOSE đạt giao dịch gần 250 triệu cổ phiếu khớp lệnh. HPG, VPB, MBB VNM là những cổ phiếu có giao dịch lớn nhất. Đã có khá nhiều cổ phiếu lớn công bố báo cáo Q3 đặc biệt là một số cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán thấp hơn với các quý trước đã gây thất vọng với nhà đầu tư. Một số cổ phiếu bất động sản cũng bị bán mạnh như DIG, LDG, QCG …

Vnindex 939.68

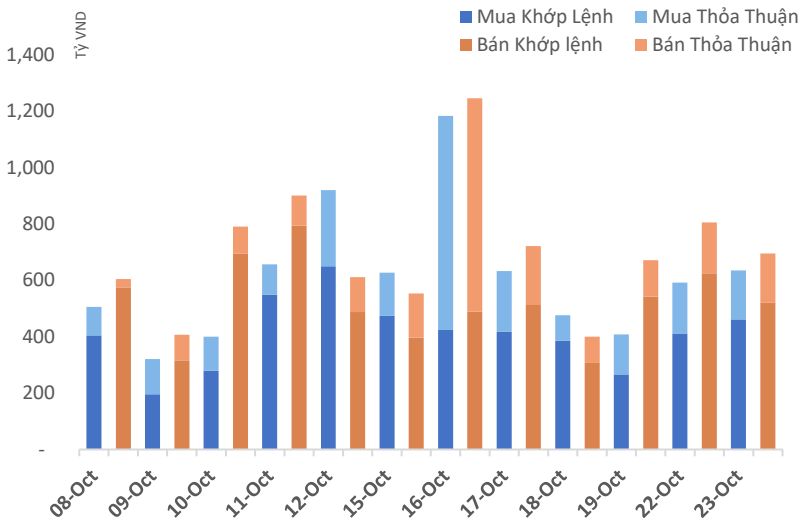
▼ -13.83 (-1.45%)

Biến động Big Cap

CP	Vốn hóa	Giá	%
MBB	46,234	21.4	1.42
SAB	142,942	222.9	0.41
BVH	64,482	92.0	0.22
VIC	315,971	99.0	(0.10)
NVL	64,823	70.9	(0.14)
BID	119,313	34.9	(0.29)
HNG	13,923	15.7	(0.32)
BHN	20,398	88.0	(0.45)
VHM	248,199	74.1	(0.80)
TPB	16,246	24.4	(0.81)
EIB	16,474	13.4	(1.11)
DHG	11,401	87.2	(1.25)
VRE	70,340	37.0	(1.33)
HDB	35,316	36.0	(1.37)
HPG	83,894	39.5	(1.50)
VJC	68,785	127.0	(1.55)
ROS	21,540	38.0	(1.56)
VNM	215,066	123.5	(1.83)
VPB	56,014	22.8	(1.94)
MSN	90,144	77.5	(2.15)
FPT	25,892	42.2	(2.20)
VCB	200,755	55.8	(2.28)
GAS	209,386	109.4	(2.32)
REE	10,294	33.2	(2.35)
PNJ	16,052	99.0	(2.46)
STB	22,636	12.6	(3.09)
CTD	11,508	147.0	(3.23)
CTG	88,059	23.7	(3.27)
SSI	14,476	29.0	(3.33)
TCB	97,205	27.8	(3.47)
PLX	67,211	58.0	(3.97)
MWG	38,582	119.5	(4.17)
KDH	12,607	30.5	(4.84)

Khối ngoại mua vào 635 tỷ và bán ra 695 tỷ, bán ròng nhẹ khoảng 60 tỷ trên cả 3 sàn. BID được mua ròng nhiều nhất khoảng 40.6 tỷ bên cạnh SBT, SSI, DXG và QNS. Phía bán ròng ghi nhận VNM bán ròng khoảng 54.3 tỷ, VJC 29.5 tỷ và VHC 28.5 tỷ. Đây là phiên mà khối ngoại có giao dịch mua bán tăng tốt so với 1 tuần trước đó ở mức khá thấp.

Trong những ngày gần đây cổ phiếu được khối ngoại mua vào thường xuyên và đều đặn nhất là STB (hơn 30 triệu), VCI, BMP và DXG.



Tin kết quả quý 3:

Một số ngân hàng vừa công bố báo cáo tài chính quý 3 trong đó nổi bật là VCB, TCB và ACB.

VCB báo cáo thu nhập lãi thuần đạt 7,432 tỷ đồng, tăng 41,6% so với cùng kỳ. Một số hoạt động có mức tăng trưởng cao như hoạt động dịch vụ đạt lãi 895 tỷ đồng, tăng 37.5%. Riêng hoạt động kinh doanh ngoại hối, mua bán chứng khoán sụt giảm so với cùng kỳ lần lượt lãi 570 tỷ (giảm 11,6% so với cùng kỳ) và lỗ 170 tỷ. Lũy kế 9 tháng đầu năm, Vietcombank lãi ròng 9,378 tỷ, tăng 47% so với cùng kỳ.

TCB báo cáo quý 3 với hoạt động tín dụng khách hàng không tăng đáng kể so với quý trước. Ở hoạt động liên ngân hàng, tiền tại các TCTD khác tăng 71% so với đầu năm lên 27,667 tỷ đồng. Cho vay các TCTD cũng tăng 16% lên 16,070 tỷ đồng. Thu nhập lãi thuần của Techcombank trong quý 3 tăng 52% đạt 3,117 tỷ đồng. Hoạt động dịch vụ cũng tăng mạnh 45% đạt 932 tỷ. Lũy kế 9 tháng đầu năm, lợi nhuận trước thuế Techcombank đạt 7,774 tỷ, tăng 61% so với cùng kỳ.

ACB báo cáo Q3 với thu nhập lãi thuần đạt 2,563 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ. Hoạt động kinh doanh ngoại hối có lãi 161 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ. Ở mảng mua bán chứng khoán đầu tư, ACB lãi 123 tỷ đồng. Lãi từ hoạt động khác tăng đột biến hơn 4,5 lần lên 192 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm, lợi nhuận ròng ACB đạt 3,772 tỷ đồng, gấp 2,5 lần mức đạt được cùng kỳ. Trong đó, tăng trưởng mạnh nhất là hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động khác.



Ticker	Giá	Giá cao nhất	Chênh lệch	Hỗ trợ mạnh	Note	Chart
STB	12.5	17.1	-27.2%	11.5	Cổ phiếu đang tạo đáy. Vùng hỗ trợ mạnh quanh 11.5 – 12. Nhà đầu tư có thể giải ngân dần từ vùng giá 12.5.	
VCB	55.8	73.35	-22.4%	50	Cổ phiếu đang tạo đáy. Vùng hỗ trợ mạnh nhất tập trung nhiều điểm mua quanh 50. Nhà đầu tư chờ tín hiệu mua khi giá lui về gần vùng này.	
TV2	131	155	-15.2%	125	Đang điều chỉnh. Cổ phiếu đang tăng trưởng nên một trạng thái mua có thể mở quanh vùng hỗ trợ mạnh 122 – 126.	
DGW	24.9	29.7	-15.5%	24	Cổ phiếu đang trong xu thế giảm ngắn hạn. Vùng hỗ trợ mạnh quanh 24. Nhà đầu tư chờ đợi tín hiệu mua rõ ràng hơn trước khi giải ngân.	
CTD	147	170	-11.1%	140	Cổ phiếu tăng trưởng, Nhà đầu tư chờ các đợt điều chỉnh gần vùng hỗ trợ giải ngân dần.	



Báo cáo kết quả Quý 3 các doanh nghiệp:

Cổ phiếu	Giá	DT Q3.2018	% YoY	LN Q3.2018	%YoY	DT 9 tháng	% YoY2	LN 9 tháng	% YoY3	EPS	PE
AAM	12,200	51.1	3.4%	2.5		161.3	-8.9%	9.1		1,191	10.2
AAV	10,400	138.3	75.7%	7.6	68.9%	242.1	48.8%	14.5	15.1%	1,460	7.1
ABC	9,400	108.7	-66.7%	6.2	8.8%	474.2	-87.7%	12.3	-96.1%	825	11.2
ABT	43,350	112.1	8.6%	16.5	302.4%	308.0	8.1%	54.8	251.3%	5,789	7.5
AGR	3,550	44.1	2.8%	20.5	36.7%	134.6	-7.2%	41.5	-38.0%	176	20.2
AMC	19,700	38.3	-3.3%	1.6	-50.0%	108.3	-3.6%	6.9	-25.0%	3,424	5.8
AME	11,400	149.6	-19.9%	0.3	-50.0%	406.0	-37.5%	1.1	-35.3%	958	11.9
AMV	35,000	113.6	4107.4%	66.5	22066.7%	164.2	1463.8%	94.7	9370.0%	4,874	7.2
ANV	23,400	1,051.5	42.6%	114.2	244.0%	2,734.7	30.0%	303.4	254.0%	2,796	8.4
APC	40,700	46.4	12.9%	23.9	23.2%	125.7	16.0%	58.8	25.4%	6,836	6.0
APG	7,400	5.1	168.4%	4.0	3900.0%	11.3	-5.8%	6.2	31.9%	719	10.3
AVC	30,000	151.7	-39.1%	43.3	-65.8%	593.7	-8.2%	228.0	-21.0%	3,920	7.7
BAX	24,000	19.3	15.6%	8.2	-17.2%	50.2	5.0%	18.7	-9.2%	2,906	8.3
BCE	5,540	47.3	-11.9%	3.3	725.0%	177.9	51.0%	17.0	-1.2%	844	6.6
BDB	6,800	9.0	2.3%	0.1	0.0%	38.6	3.8%	0.5	0.0%	647	10.5
BDW	7,500	47.5	7.5%	3.0	25.0%	133.6	8.8%	10.6	82.8%	930	8.1
BED	20,000	31.2	2.3%	3.1	29.2%	69.3	6.6%	6.3	23.5%	2,691	7.4
BHA	15,300	147.5	-15.8%	84.5	-10.9%	229.4	-6.4%	36.6	33.6%	1,142	13.4
BLF	3,100	128.2	2.1%	0.7	-46.2%	381.4	-4.1%	4.0	-28.6%	2	1,476.6
BLI	7,200	0.0		46.1	56.8%	0.0		69.6	38.1%	826	8.7
BMC	14,200	24.3	-23.8%	3.2	52.4%	66.0	-66.1%	8.1	3.8%	722	19.7
BMS	6,800	62.7	208.9%	14.0		271.1	200.9%	24.2	214.3%	1,208	5.6
BPC	16,400	71.1	0.1%	0.6	-83.8%	246.5	1.9%	4.1	-59.0%	2,044	8.0
BQB	5,000	25.6	-15.8%	1.9	-29.6%	57.8	-24.9%	-2.4		-609	-8.2
BRC	8,060	57.6	18.8%	4.7	30.6%	159.1	-0.6%	12.9	15.2%	1,336	6.0
BRR	7,700	92.4	-22.7%	13.4	8.1%	189.3	-28.9%	58.5	39.3%	919	8.4
BSL	14,000	212.6	-1.1%	9.2	-40.6%	624.1	-1.4%	23.4	-28.4%	881	15.9
BST	32,000	21.1	-21.9%	0.8	-11.1%	41.9	-6.5%	1.2	-7.7%	1,219	26.3
BTB	6,900	43.0	-17.0%	2.5	-45.7%	109.7	-14.0%	2.3	-54.9%	401	17.2
BTP	12,100	206.4	-40.9%	-19.4		996.1	35.6%	96.7		3,791	3.2
C92	5,900	45.4	-15.9%	0.3	-40.0%	105.8	-14.6%	0.8	-33.3%	120	49.1
CAG	107,100	16.7	7.1%	0.6	500.0%	53.4	3.1%	3.0	25.0%	272	394.2
CAP	38,800	70.9	7.6%	1.7	-72.1%	310.6	50.3%	33.5	129.5%	6,629	5.9

CCI	11,850	103.4	28.1%	6.2	-6.1%	295.8	20.9%	18.3	-10.7%	1,512	7.8
CCM	20,300	239.2	37.9%	7.9	-50.3%	699.5	40.6%	35.0	-21.0%	6,587	3.1
CCR	34,800	46.1	34.8%	5.8	100.0%	121.5	36.7%	11.3	121.6%	578	60.2
CDN	16,400	186.8	22.3%	47.6	44.2%	517.4	17.7%	121.0	19.8%	1,837	8.9
CET	3,200	17.5	45.8%	1.5	-6.3%	69.2	66.7%	-4.6		-1,329	-2.4
CLC	36,000	496.5	9.4%	41.0	49.6%	1,446.6	7.3%	105.8	25.7%	5,345	6.7
CLH	14,100	167.3	15.9%	0.2		511.4	19.6%	13.9	44.8%	3,229	4.4
CMC	5,300	3.5	84.2%	-0.8		10.0	35.1%	-3.1		-827	-6.4
CNG	27,300	507.6	52.2%	37.9	36.3%	1,320.6	36.7%	83.8	7.6%	4,218	6.5
CQT	2,700	116.2	23.6%	0.3		403.7	37.0%	0.7		462	5.8
D2D	69,000	39.2	-14.0%	6.3	1.6%	167.7	36.0%	46.7	11.2%	7,440	9.3
DAD	17,700	40.1	11.7%	0.8	-38.5%	130.8	4.0%	14.0	-0.7%	1,985	8.9
DAT	22,500	340.2	0.7%	16.6	176.7%	1,116.4	17.0%	34.1	93.8%	954	23.6
DBC	28,000	1,857.1	10.5%	153.8	-1.2%	4,847.7	14.6%	246.6	81.3%	3,795	7.4
DBW	10,000	14.3	2.9%	0.1	-50.0%	42.8	0.9%	0.8	0.0%	27	368.0
DC2	8,200	23.6	19.2%	0.3	-25.0%	81.0	61.0%	0.5	0.0%	1,246	6.6
DGC	50,000	1,502.4	58.2%	246.1	298.9%	4,327.3	58.2%	620.6	286.7%	6,893	7.3
DGW	25,400	1,742.2	52.3%	36.6	31.7%	4,382.7	62.6%	78.3	37.9%	2,504	10.1
DHA	29,000	75.1	12.1%	18.1	13.8%	210.5	11.5%	50.3	5.7%	4,082	7.1
DHT	43,400	499.9	18.0%	19.5	21.1%	1,281.8	17.8%	60.2	37.1%	4,447	9.8
DNH	18,000	541.1	41.3%	251.1	104.3%	1,596.3	31.6%	801.0	81.2%	2,096	8.6
DNN	4,800	138.1	9.9%	36.9	-2.1%	370.9	12.5%	99.0	27.1%	2,125	2.3
DP2	10,100	39.2	6.5%	-3.4		105.0	-0.4%	-10.9		-253	-39.9
DPC	12,700	17.3	6.8%	1.4	100.0%	47.8	-1.8%	2.7	50.0%	2,230	5.7
DTC	11,300	83.7	36.8%	2.5	-69.1%	245.9	26.2%	10.0	-51.9%	2,235	4.7
DVH	15,700	37.0	12.1%	5.0	-25.4%	140.2	39.4%	14.6	15.0%	2,022	7.8
DXP	11,500	24.4	10.9%	7.2	20.0%	63.4	7.3%	18.1	2.3%	897	12.8
EBS	9,400	85.5	8.2%	5.9	3.5%	165.4	1.5%	10.1	3.1%	1,235	7.6
ECI	9,000	21.0	5.0%	1.3	30.0%	55.3	6.6%	3.0	7.1%	1,776	5.1
FMC	27,750	1,078.3	4.3%	58.5	-0.7%	2,828.4	16.8%	119.1	27.5%	3,508	7.9
FTS	16,250	93.6	26.7%	48.4	20.1%	320.2	49.6%	170.6	45.7%	2,129	7.6
GAS	112,000	18,426.2	22.2%	3,201.0	68.3%	56,613.9	19.2%	8,879.8	50.3%	5,878	19.1
GLW	8,000	10.4		-1.6		34.2		-2.9		-81	-98.5
GTA	14,800	132.8	-4.5%	3.7	-9.8%	439.3	-1.0%	13.3	0.0%	1,652	9.0
HAC	3,500	18.0	176.9%	13.4		34.7	56.3%	5.9		405	8.6
HAD	30,300	48.0	-17.0%	3.1	-48.3%	125.0	-5.3%	7.1	-42.3%	2,178	13.9
HAS	8,000	52.8	35.0%	1.2	-91.0%	143.4	3.5%	3.2	-80.5%	701	11.4
HAT	40,700	221.1	10.0%	12.3	-22.2%	579.6	18.9%	31.4	13.4%	9,639	4.2
HAX	16,400	1,141.6	20.8%	30.3	-22.9%	3,280.9	18.9%	64.1	9.6%	2,567	6.4
HBH	3,600	54.4	-20.9%	0.3	-84.2%	161.7		-7.8		-168	-21.4
HEV	11,500	8.2	20.6%	0.5	-16.7%	22.7	30.5%	1.3	-18.8%	1,449	7.9
HGW	9,000	45.8	7.8%	2.3	76.9%	130.4	5.2%	7.8	14.7%	567	15.9
HKB	1,200	2.9	-91.1%	-12.3		25.4	-81.3%	-38.8		-901	-1.3
HND	9,900	1,761.8	-9.9%	-148.1		7,050.8	-0.1%	179.8	-48.7%	459	21.6
HNR	31,900	28.5		-16.0		98.7		-54.8		-4,226	-7.5
HPM	12,100	1.0		9.4		1.2	500.0%	5.9		1,401	8.6
HRC	34,300	51.6	-25.9%	1.0	-52.4%	90.1	-13.8%	3.1	-39.2%	219	156.9
HTI	12,650	93.7	-1.4%	17.4	13.0%	282.4	5.8%	51.7	-16.3%	2,729	4.6
HTP	6,300	0.6	-72.7%	-0.1		7.1	-27.6%	0.7	-41.7%	298	21.1
IMP	52,900	296.6	18.3%	35.3	21.3%	810.1	7.9%	99.3	11.7%	2,585	20.5

INC	6,600	5.3	8.2%	0.5	25.0%	16.9	-0.6%	1.2	-7.7%	885	7.5
IVS	12,900	5.7	29.5%	0.0		17.8	-0.6%	0.2	-33.3%	6	2,088.7
KBE	16,000	60.6	3.9%	2.0	-4.8%	98.7	5.0%	2.9	-3.3%	2,670	6.0
KHP	10,250	1,328.5	21.3%	13.8	-75.0%	3,406.6	19.8%	63.9	125.0%	1,952	5.3
KHS	10,600	308.4	-1.0%	8.7	-24.3%	806.3	2.1%	21.2	-16.9%	2,023	5.2
KKC	11,600	60.3	-18.7%	-1.1		252.5	5.0%	0.7	-93.8%	1,032	11.2
KLB	10,500	0.0		60.0	38.2%	0.0		177.8	15.9%	725	14.4
KOS	22,400	96.8	-53.2%	5.4	-74.5%	418.1		26.9		412	53.5
KSB	31,650	253.0	13.7%	61.3	28.2%	776.3	4.9%	212.7	11.0%	5,796	5.5
KVC	1,500	171.9	-0.2%	3.0	-72.0%	474.7	9.9%	10.0	-45.1%	462	3.2
L35	5,100	27.5	-40.7%	0.3	0.0%	107.9	-17.4%	0.9	12.5%	421	12.1
LAS	11,400	570.3	-4.7%	20.0	-28.3%	2,419.4	-9.8%	93.0	-24.1%	1,282	8.9
LAW	10,000	38.1	24.1%	5.9	96.7%	110.6	20.9%	23.6	116.5%	2,640	3.8
LBE	18,200	28.0	-11.4%	0.9	0.0%	60.2	-3.1%	1.6	-11.1%	1,844	9.9
LCW	10,000	7.8	1.3%	0.1		23.4	2.6%	0.2	0.0%	15	671.6
LIX	49,400	566.2	1.2%	39.4	-13.4%	1,730.7	10.3%	112.3	-1.3%	4,545	10.9
LPB	9,500	0.0		280.0	-33.2%	0.0		826.4	-26.6%	1,647	5.8
MCF	10,800	123.7	47.6%	2.8	-3.4%	397.7	45.4%	7.8	-17.0%	770	14.0
MDF	5,200	249.1	-4.0%	4.6	24.3%	750.3	-3.2%	18.3	56.4%	529	9.8
MDG	10,800	47.9	-18.8%	3.4	-77.2%	122.6	-40.1%	9.5	-48.4%	2,749	3.9
MEL	8,700	203.8	-16.4%	3.0	-51.6%	735.1	-17.7%	10.5	-45.6%	1,063	8.2
MES	10,000	0.7	-53.3%	-1.2		11.0	37.5%	-2.7		-333	-30.0
MH3	24,000	11.5	22.3%	10.8	16.1%	31.4	22.2%	30.2	28.0%	3,131	7.7
NBP	13,500	139.5	-10.7%	-3.6		481.9	1.2%	0.6	-91.0%	2,923	4.6
NCT	75,000	181.6	0.3%	65.3	-21.4%	514.9	0.4%	192.3	-6.5%	10,595	7.1
ND2	22,000	135.7	-9.7%	68.1	5.3%	292.9	-4.4%	104.4	31.0%	2,800	7.9
NFC	7,300	70.9	-12.4%	1.1	-45.0%	480.5	6.9%	17.0	1.8%	1,273	5.7
NGC	9,800	38.0	-25.3%	1.7	240.0%	120.4	-22.4%	0.1	-90.0%	-61	-161.9
NNB	9,900	30.0	7.5%	-2.3		87.3	13.1%	-2.0		-55	-178.6
NNC	50,900	158.0	11.8%	64.0	32.0%	437.5	2.7%	151.6	5.9%	9,014	5.6
NS2	22,900	103.4	7.7%	5.7	1.8%	282.2	2.9%	12.2	9.9%	241	94.9
NT2	24,900	1,621.1	42.5%	25.0	-27.1%	5,650.8	20.6%	528.6	7.7%	2,947	8.4
NTC	76,600	34.8	21.3%	56.5	139.4%	120.8	18.9%	144.2	46.7%	11,775	6.3
NTP	45,200	1,137.9	-10.8%	72.2	-55.1%	3,208.9	-3.6%	221.9	-38.9%	3,938	11.5
PCE	7,100	592.6	12.0%	2.7	-20.6%	1,680.0	-0.9%	7.4	-35.1%	1,352	5.3
PCG	20,500	86.0	31.1%	-0.7		241.7	11.3%	-3.7		109	187.6
PCN	3,400	4.8	-38.5%	-1.6		22.7	-14.7%	-7.1		-2,409	-1.4
PGD	38,000	2,222.6	23.1%	54.5	23.9%	6,004.1	20.8%	197.0	59.1%	3,132	12.1
PGS	30,000	1,783.7	14.0%	30.8	0.3%	4,796.3	8.3%	80.7	-5.1%	2,111	14.2
PIC	14,000	17.0	50.4%	0.0	-100.0%	77.7	39.5%	27.8	-14.7%	1,184	11.8
PMB	8,300	341.4	35.9%	2.8	-3.4%	1,273.8	18.8%	14.0	-2.8%	1,056	7.9
PMC	61,000	112.8	0.2%	18.0	-7.7%	334.9	4.5%	54.6	0.2%	7,792	7.8
PMP	15,700	114.5	17.1%	2.0	-51.2%	333.3	11.6%	6.5	-31.6%	2,606	6.0
PNJ	104,200	3,150.8	38.2%	177.7	40.9%	10,507.7	35.5%	694.4	37.8%	5,651	18.4
POV	12,300	0.0	-100.0%	0.0	-100.0%	1,751.3	38.1%	9.6	74.5%	1,047	11.7
PPC	18,700	1,260.3	-14.4%	163.1	7.6%	5,276.9	14.0%	878.5	17.9%	3,023	6.2
PPY	14,000	538.2	31.2%	3.0	150.0%	1,635.8	30.0%	11.4	16.3%	1,923	7.3
PSB	3,500	57.1	69.4%	0.1	0.0%	129.9	84.3%	0.5	66.7%	13	269.3
PSE	8,200	652.6	13.9%	2.0	-39.4%	1,847.1	9.0%	5.8	-31.8%	659	12.5
PSW	8,500	426.6	-21.0%	1.2	-69.2%	1,617.7	-2.0%	7.5	-34.8%	350	24.3

PVB	20,600	51.2	337.6%	2.9	-83.2%	187.7	153.3%	30.1	70.1%	3,128	6.6
PVV	800	11.7	14.7%	-3.3		106.5	28.8%	-34.1		-1,296	-0.6
PVY	2,700	61.8	20.9%	-21.3		248.3	-14.2%	-52.8		-1,204	-2.1
PXC	400	5.8	-45.8%	-4.6		9.7	-93.5%	-32.4		-3,458	-0.1
PXI	2,500	89.0	63.0%	0.3		130.1	-52.6%	-9.7		-1,096	-2.3
QNW	9,000	16.3		0.4		43.3		5.5		231	38.9
RIC	5,740	57.1	388.0%	-15.2		187.4	22.9%	-14.9		-585	-9.8
S4A	28,200	103.7	11.7%	47.6	-4.0%	231.5	8.3%	92.8	-7.1%	3,013	9.4
S72	3,700	4.8		-1.4		4.9		-1.5		-96	-38.6
S74	4,900	2.8	-37.8%	-0.8		25.9	-57.8%	0.1	-80.0%	-14	-345.0
SAF	57,000	246.3	3.9%	9.8	24.1%	752.4	5.5%	30.6	27.5%	4,993	11.4
SAP	9,100	1.9	-5.0%	0.2		8.2	18.8%	0.8		58	156.0
SAS	24,800	607.1	8.5%	49.9	-35.4%	1,938.7	13.9%	239.8	14.8%	2,402	10.3
SBA	14,200	56.0	-36.5%	22.3	-47.8%	174.4	-23.8%	67.9	-29.9%	1,774	8.0
SBL	19,000	65.6	3.3%	4.1	-51.2%	215.8	6.2%	27.3	9.2%	3,906	4.9
SCS	138,500	173.5	18.3%	108.3	26.5%	487.7	15.8%	306.6	20.8%	6,974	19.9
SCY	13,000	5.4	-67.5%	-9.9		151.9	512.5%	-8.6		196	66.2
SDG	24,000	297.1	503.9%	8.9	456.3%	524.2	198.9%	36.3	71.2%	5,042	4.8
SDN	49,100	39.4	9.7%	1.4	0.0%	112.9	3.8%	5.7	0.0%	4,517	10.9
SED	18,500	181.9	2.2%	7.7	2.7%	495.8	6.8%	36.2	2.0%	3,547	5.2
SFN	31,000	42.8	-2.1%	1.6	-36.0%	122.8	1.7%	4.8	-42.2%	2,511	12.3
SGH	49,700	10.8	-9.2%	3.4	-12.8%	32.4	0.9%	12.2	22.0%	1,437	34.6
SHP	22,600	231.8	9.3%	110.1	12.5%	441.4	1.9%	127.4	7.9%	2,076	10.9
SJD	26,200	199.6	6.9%	89.6	3.6%	412.9	3.1%	184.2	5.0%	2,936	8.9
SKG	17,300	99.2	-10.7%	23.9	-61.6%	359.7	15.1%	126.3	-24.8%	2,298	7.5
SMA	16,500	136.9	14.4%	17.9	4375.0%	335.5	18.3%	21.5	3483.3%	2,189	7.5
SMC	17,800	4,248.2	30.6%	53.1	-12.5%	12,220.7	34.9%	210.1	-0.7%	4,919	3.6
SMN	9,500	122.5	11.1%	4.0	2.6%	385.2	8.4%	9.8	22.5%	2,477	3.8
SP2	8,800	51.7	-11.8%	11.5	-30.3%	119.4	8.3%	7.0		-78	-113.1
SQC	82,000	0.0	-100.0%	-4.5		8.5	-25.4%	-16.8		-98	-840.6
SRA	65,500	132.1	5904.5%	30.6	7550.0%	185.9	1942.9%	59.5	4476.9%	34,684	1.9
STC	26,200	139.7	1.0%	6.3	-12.5%	309.1	-0.3%	13.7	-2.8%	2,377	11.0
SVH	13,300	5.0		-6.4		36.1		1.9		360	36.9
SVI	45,000	449.9	16.6%	15.2	-9.5%	1,299.0	17.7%	44.8	-12.7%	4,606	9.8
SVT	6,100	3.7	-32.7%	0.6	-33.3%	16.2	-17.8%	2.1	-8.7%	247	24.7
SWC	14,600	66.0	35.2%	24.7	76.4%	180.6	36.7%	77.3	-83.4%	1,752	8.3
SZE	6,900	86.6	7.2%	7.3	-18.0%	249.9	-0.2%	22.2	-11.2%	799	8.6
SZL	35,900	91.6	6.3%	28.2	11.5%	271.6	19.0%	82.0	22.9%	5,795	6.2
TCT	60,200	27.1	40.4%	8.5	107.3%	157.3	12.6%	75.0	6.8%	6,082	9.9
TDS	12,700	623.5	9.7%	5.5	-75.6%	1,900.0	33.2%	33.5	-28.0%	4,835	2.6
TDT	12,200	113.5		11.5		221.1		16.0		1,550	7.9
TET	26,000	9.8	8.9%	4.6	15.0%	29.2	6.6%	13.9	-18.2%	3,047	8.5
THI	40,350	622.7	30.1%	46.5	-54.9%	1,531.2	-12.5%	131.7	-38.7%	4,859	8.3
TIP	15,000	35.0	-16.1%	15.3	18.6%	98.5	-10.6%	36.5	-10.8%	1,871	8.0
TMC	14,500	661.7	15.8%	4.2	-16.0%	1,988.5	21.7%	23.8	57.6%	2,511	5.8
TNC	12,800	16.2	-27.4%	5.9	73.5%	49.4	2.3%	25.6	10.8%	1,385	9.2
TNG	17,000	1,240.0	46.1%	63.4	38.1%	2,726.6	47.6%	130.5	49.0%	3,203	5.3
TPC	11,000	167.9	-11.7%	4.5	-47.1%	510.9	-1.3%	17.1	-29.9%	1,039	10.6
TRC	23,400	93.5	-27.3%	7.6	-73.3%	236.0	-13.5%	54.0	-39.5%	3,676	6.4
TST	6,900	51.0	32.8%	5.2		69.3	-41.2%	0.9		-301	-22.9

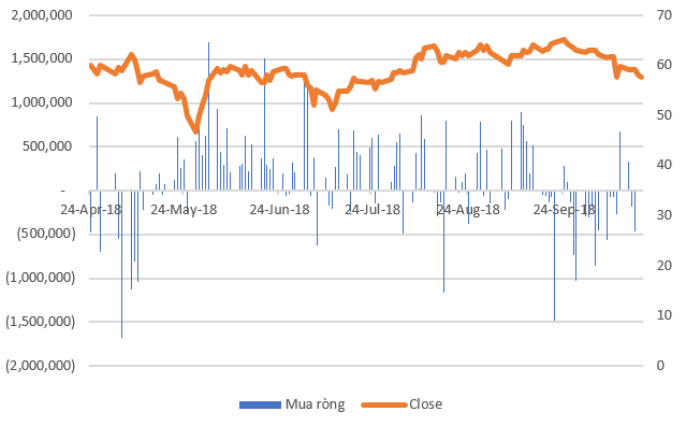
TTC	17,300	109.5	17.4%	4.8	-14.3%	289.6	14.3%	11.7	-23.5%	2,694	6.4
TTS	6,000	763.0	80.8%	-16.2		1,131.4	7.0%	-6.4		-14	-437.1
TV3	35,800	89.2	30.6%	6.5	400.0%	224.4	-14.5%	6.9	3.0%	1,867	19.2
TVD	5,300	1,162.5	105.4%	8.2	3.8%	3,165.8	63.2%	40.3	185.8%	1,247	4.3
UDJ	8,500	21.2	236.5%	6.9	430.8%	66.8	103.0%	22.3	271.7%	2,332	3.6
UIC	28,550	647.9	5.1%	14.0	35.9%	1,872.8	10.9%	41.7	-17.1%	6,485	4.4
V21	21,300	17.8	-57.4%	-1.9		57.8	-37.8%	-1.7		1,061	20.1
VC7	9,800	18.3	-31.5%	1.3	-40.9%	94.6	-32.8%	15.2	-1.9%	1,783	5.5
VCA	13,000	640.9	32.1%	4.9	-73.9%	1,967.9	56.9%	28.6	-32.1%	3,365	3.9
VCP	29,000	154.2	46.3%	52.5	10.5%	432.0	88.7%	170.6	132.7%	4,777	6.1
VCS	74,000	1,062.6	3.9%	269.3	0.8%	3,215.1	-0.8%	790.1	-6.5%	6,277	11.8
VCW	33,900	117.6	14.1%	56.6	31.3%	333.0	10.0%	153.2	24.7%	2,669	12.7
VE1	11,800	1.5	-84.5%	0.4	-60.0%	6.0	-58.3%	-10.9		-1,827	-6.5
VE3	11,200	7.2	-59.6%	-0.1		27.3	-18.3%	0.5	-44.4%	1,195	9.4
VE8	5,200	9.3	-50.0%	-1.6		37.2	-49.7%	-5.2		-2,776	-1.9
VGP	21,700	0.0	-100.0%	0.0	-100.0%	0.0	-100.0%	0.0	-100.0%	2,964	7.3
VHL	32,500	498.3	-0.9%	36.8	1.4%	1,480.1	-2.1%	98.3	-5.8%	5,988	5.4
VIB	27,800	0.0		456.0	134.6%	0.0		1,376.5	176.0%	3,196	8.6
VIX	10,000	152.4	62.5%	108.9	2556.1%	363.0	50.6%	204.6	435.6%	3,022	3.3
VLA	12,000	1.7	-15.0%	-0.7		6.6	15.8%	0.2	-84.6%	707	17.0
VLB	29,100	242.7	0.3%	36.7	11.9%	692.3	-6.8%	106.2	-4.5%	3,128	9.3
VPA	6,000	13.1	-48.4%	-18.6		61.3	-24.2%	-33.8		-1,431	-4.2
VRG	3,500	1.8	0.0%	0.1	0.0%	5.3	0.0%	1.9	-29.6%	91	38.3
VTB	14,350	158.6	-27.1%	5.6	86.7%	417.4	-30.1%	11.5	43.8%	2,063	7.0
VTO	8,000	376.4	19.7%	17.8	-38.6%	1,159.8	23.0%	70.4	-4.5%	1,284	6.2
VTX	9,700	83.4	31.1%	10.8	390.9%	0.0	-100.0%	0.0	-100.0%	55	174.9
WCS	130,000	33.3	2.1%	16.8	5.7%	101.0	5.2%	49.8	4.4%	25,313	5.1
WSB	49,000	176.8	-23.1%	22.9	-9.5%	649.1	0.8%	89.1	8.5%	8,849	5.5
XPH	5,400	2.6	136.4%	-2.2		6.0	-52.0%	-7.3		-635	-8.4



Thông tin giao dịch nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL Mua	KL Bán	Room NN (đang nắm giữ)	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ
VCB	HOSE	55.8	2,446,810	17.77	3.54	462,090	700,070	747,610,097	200,755	20.8%
CTG	HOSE	23.65	5,920,090	11.34	1.40	13,610	55,000	1,116,997,366	88,059	30.0%
BID	HOSE	34.9	3,648,830	14.68	2.45	1,528,630	362,770	91,580,282	119,313	2.7%
MBB	HOSE	21.4	7,834,000	10.27	1.28	-	-	432,090,274	46,234	20.0%
TCB	HOSE	27.8	2,307,530	10.85	2.09	-	-	786,733,236	97,205	22.5%
VPB	HOSE	22.8	8,329,880	7.43	1.10	400,000	400,000	570,052,382	55,246	23.5%
STB	HOSE	12.55	9,767,110	15.32	1.18	314,220	40,030	226,127,525	22,636	12.5%
EIB	HOSE	13.4	189,260	13.36	1.32	-	500	369,653,697	16,474	30.1%
HDB	HOSE	36	2,101,430	12.87	2.27	42,130	30,650	269,041,114	35,316	27.4%
TPB	HOSE	24.4	315,760	11.02	1.71	-	-	145,468,410	16,246	21.8%
SHB	HNX	7.9	9,114,437	5.55	0.78	65,300	200	115,013,455	9,505	9.6%
ACB	HNX	29.6	4,059,421	10.03	1.87	-	-	384,385,722	36,916	30.8%
NVB	HNX	9.4	5,463,329	97.92	1.21	-	-	99,475	2,798	0.0%
LPB	UPCOM	9.3	1,496,304	5.65	0.75	-	-	37,238,676	6,975	5.0%
BAB	UPCOM	20.6	11,400	15.75	1.82	-	-	1,138,530	11,252	0.2%
VIB	UPCOM	27.4	114,162	8.57	1.62	-	-	115,710,712	14,538	21.8%
KLB	UPCOM	10.4	500	14.31	1.06	-	-	57,001,000	3,080	19.2%

Mua bán ròng khối ngoại - VCB



Mua bán ròng khối ngoại - STB





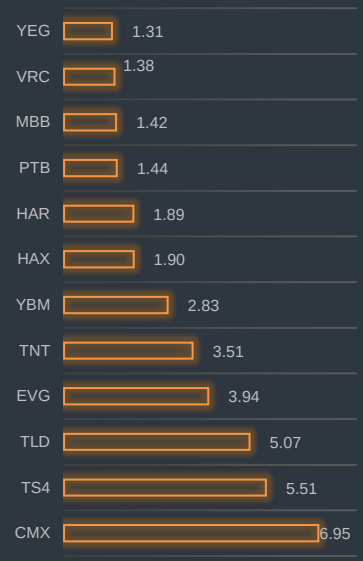
Thông tin tài chính nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn:

Code	Đóng cửa	LN 6T.2018	% Tăng Trưởng	EPS	P/E	P/B	Giá cao nhất 9T	So với đỉnh giá	% So với đầu năm
ACB	29.6	2,462.4	151.2%	2,952	10.0	1.87	40.0	-26.0%	-3.6%
BHN	88.0	331.9	1.8%	3,267	26.9	4.29	114.0	-22.8%	-34.5%
BID	34.9	3,941.8	45.1%	2,378	14.7	2.45	38.0	-8.2%	29.3%
BVH	92.0	749.8	-30.4%	1,802	51.1	4.26	100.7	-8.6%	36.7%
CTG	23.7	4,236.7	8.5%	2,085	11.3	1.40	30.5	-22.5%	-5.4%
EIB	13.4	737.4	125.8%	1,003	13.4	1.32	15.4	-13.0%	6.3%
FPT	42.2	1,103.3	19.3%	5,078	8.3	1.98	51.0	-17.3%	-14.7%
GAS	109.4	5,678.7	41.7%	5,878	18.6	4.69	124.0	-11.8%	19.8%
HDB	36.0	1,495.3	141.6%	2,797	12.9	2.27	43.4	-17.1%	-5.8%
HPG	39.5	4,406.8	26.9%	4,242	9.3	1.65	44.2	-10.6%	15.8%
MBB	21.4	2,998.2	52.6%	2,083	10.3	1.28	28.3	-24.4%	-6.1%
MSN	77.5	3,031.0	566.0%	5,241	14.8	5.54	98.0	-20.9%	-3.1%
MWG	119.5	1,539.3	44.0%	8,487	14.1	5.16	131.0	-8.8%	-8.1%
NVL	70.9	722.8	-13.4%	2,255	31.4	3.72	71.0	-0.1%	41.8%
PLX	58.0	2,060.8	16.3%	3,240	17.9	3.84	73.1	-20.7%	-18.8%
PNJ	99.0	516.7	36.8%	5,341	18.5	5.52	122.7	-19.3%	12.5%
ROS	38.0	88.0	-39.7%	1,391	27.3	3.74	85.0	-55.4%	-73.1%
SAB	222.9	2,337.0	-4.3%	7,384	30.2	9.03	252.4	-11.7%	-10.4%
SSI	29.0	717.9	19.9%	2,266	12.8	1.59	36.3	-20.1%	2.8%
STB	12.6	768.0	65.5%	819	15.3	1.18	14.1	-11.0%	-6.3%
TCB	27.8	4,149.8	90.0%	2,563	10.8	0.70	102.4	-72.9%	-13.1%
TPB	24.4	818.9	112.1%	2,214	11.0	1.71	30.8	-20.8%	-24.7%
VCB	55.8	6,430.7	52.3%	3,140	17.8	3.54	64.4	-13.4%	2.8%
VHM	74.1	7,731.6	980.5%	7,048	10.5	1.47	96.0	-22.8%	-32.9%
VIC	99.0	1,093.9	-36.2%	1,060	93.4	3.03	111.5	-11.2%	53.3%
VJC	127.0	1,998.8	11.3%	8,860	14.3	4.84	161.9	-21.6%	5.9%
VNM	123.5	5,367.7	-8.4%	6,757	18.3	6.84	155.0	-20.3%	-28.4%
VPB	22.8	3,501.0	34.3%	3,068	7.4	1.10	35.2	-35.2%	-14.9%
VRE	37.0	1,161.4	5.6%	1,057	35.0	2.58	48.8	-24.2%	-21.8%

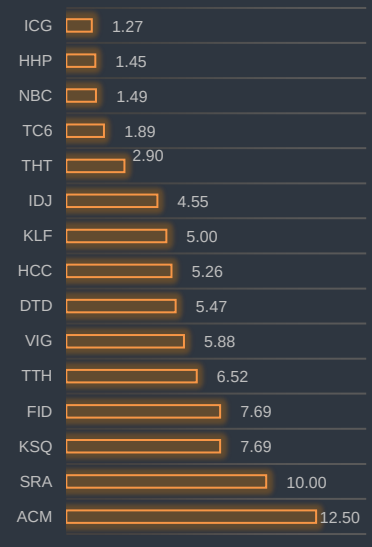


Cổ phiếu Quan tâm

Top tăng giá HOSE



Top tăng giá HNX



THG - CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang – Đã phê duyệt đầu tư dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận 1, với quy mô dự án 50 ha tại ấp 2, ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Tổng mức đầu tư dự kiến hơn 278 tỷ đồng.

HCM - CTCP Chứng khoán TP.HCM - Nghị quyết Đại hội cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản đã thông qua kế hoạch phát hành hơn 86,39 triệu cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng), theo tỷ lệ 3:2. Thời gian thực hiện trong năm 2018 hoặc quý I/2019.

Bên cạnh đó, Đại hội cũng thông qua việc phát hành 86,39 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá 14.000 đồng/cổ phiếu. Ngoài ra là hơn 6,47 triệu cổ phiếu ESOP với giá 14.000 đồng/cổ phiếu cũng được được thông qua.

DAH - CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á - Ngày 25/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 26/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%, thanh toán bắt đầu từ ngày 15/11/2018.

PTB - CTCP Phú Tài - Đã công bố kết quả kinh doanh 9 tháng hợp nhất đầu năm 2018 với tổng doanh thu gần 3.177 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hơn 265 tỷ đồng. Trong quý IV/2018, PTB đặt mục tiêu 1.633 tỷ đồng doanh thu hợp nhất và 129 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

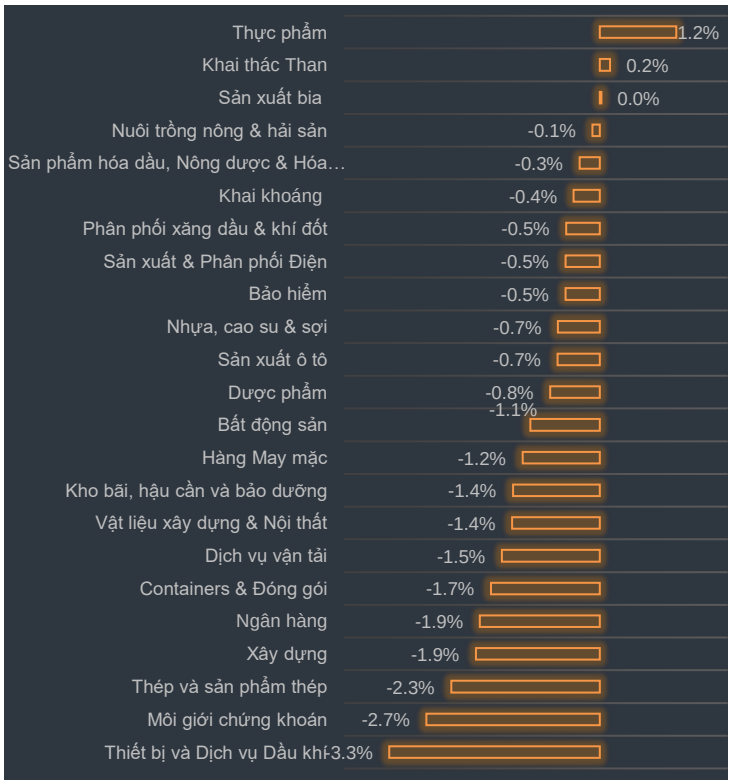
VHC - CTCP Vĩnh Hoàn – Đã công bố Báo cáo tài chính quý III/2018 với doanh thu tăng 25% so với cùng kỳ, lên 2.526 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế 609 tỷ đồng, tăng 260%. Lũy kế 9 tháng từ đầu năm, doanh thu của VHC tăng 10% đạt 6.569 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế ở mức 1.036 tỷ đồng, tăng 153%.

SHS – CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội - 9 tháng đầu năm 2018, doanh thu hoạt động và lợi nhuận sau thuế của SHS đạt 932,7 tỷ đồng và 270,6 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng trưởng 27,0% và 8,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

PHC - CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings - Ngày 26/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 29/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 12%, tương đương PHC sẽ phát hành thêm hơn 2,5 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

GTN - CTCP GTNFoods - Ngày 22/10, HĐQT đã phê duyệt việc từ nhiệm chức danh Tổng giám đốc của ông Michael Louis Rosen. Đồng thời, ông Nguyễn Hồng Anh, Phó tổng giám đốc sẽ đảm nhiệm các công việc điều hành công ty.

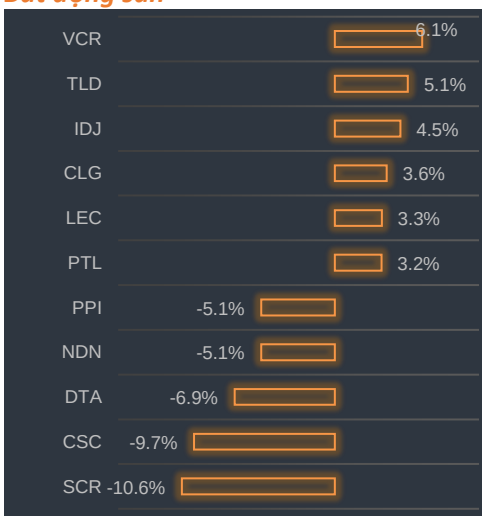
Tăng giảm ngành trong ngày



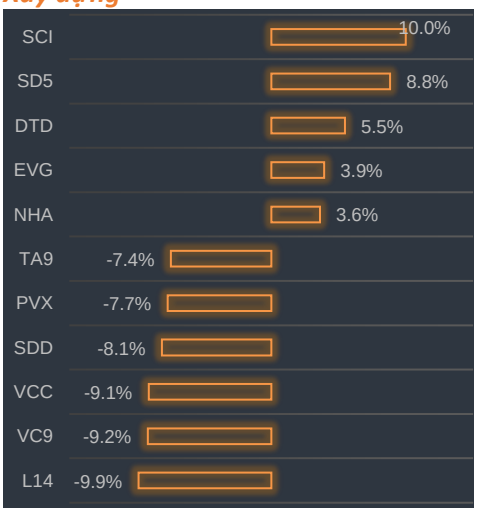
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	VCR, TLD, IDJ
Xây dựng:	SCI, SD5, DTD
Dầu khí:	PGS, CNG,
Chứng khoán:	VIG
Ngân hàng:	MBB

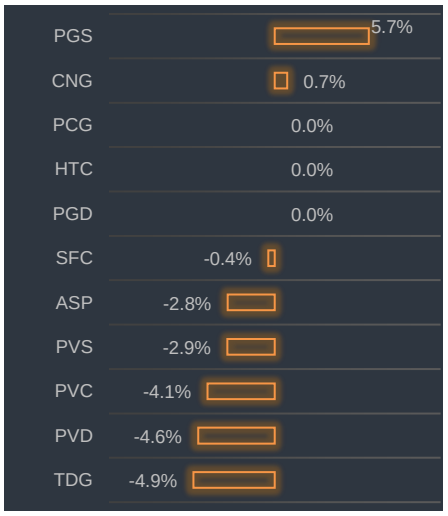
Bất động sản



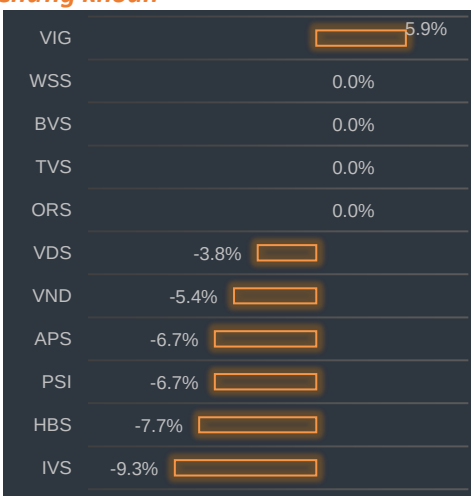
Xây dựng



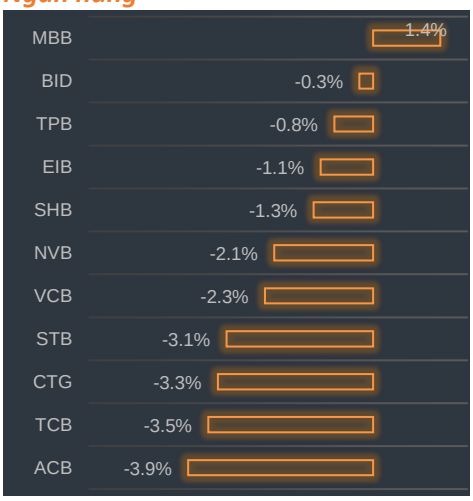
Dầu khí



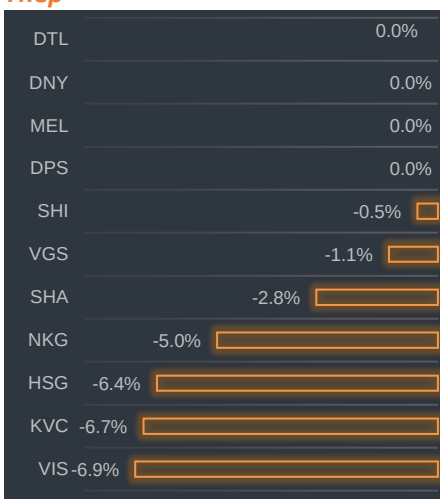
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
Tel: 0983.999.350
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kĩ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)
Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889
https://www.vise.com.vn

Chi nhánh Sài Gòn
Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: + (84 8) 3915 2930
Fax: + (84 8) 3915 2931